

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 31067

**ĐẾN** Ngày: 03/09/14

Chuyển: 14

Lưu hồ sơ số: 1

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
BƯU ĐIỆN**  
\*\*\*\*\*

Số: 513/PTIC-TCKT  
V/v: Giải trình chênh lệch số liệu

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
\*\*\*\*\*

Hà Nội, ngày 3 tháng 9 năm 2014

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Bưu điện
- Báo cáo tài chính hợp nhất trước và sau kiểm toán 6 tháng năm 2014.

Công ty CP Đầu tư và xây dựng Bưu điện xin giải trình chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán như sau:

STT	Nội dung	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch (Tăng +, giảm -)	Giải trình
I	<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
1	Đầu tư ngắn hạn	1.985.671.105	1.175.000.000	(810.671.105)	Điều chỉnh khoản tiền cho ông Giang vay đầu tư sang TK 138
2	Các khoản phải thu khác	5.101.179.014	5.911.850.119	810.671.105	Điều chỉnh khoản tiền cho ông Giang vay đầu tư sang TK 138
3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.173.924.796)	(17.969.623.098)	(795.698.302)	Công ty con tăng Trích lập dự phòng phải thu



3	Ngân hàng khác				
4	Hàng tồn kho	86.173.242.311	86.182.354.859	9.112.548	Điều chỉnh giá vốn CT Công ty con tăng
5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.915.552.396)	(4.508.971.284)	(1.593.418.888)	Trích lập dự phòng hàng tồn kho
6	Chi phí trả trước ngắn hạn	53.325.374	43.325.374	(10.000.000)	Điều chỉnh phân bổ chi phí trả trước
7	Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	24.345.488.091	24.310.081.243	(35.406.848)	Phân bổ lợi thế thương mại
8	Chi phí trả trước dài hạn	172.305.197	168.909.058	(3.396.139)	Trích thêm chi phí trả trước
9	Vay và nợ ngắn hạn	7.080.443.536	6.779.574.786	(300.868.750)	Điều chỉnh khoản vay của một số cá nhân sang TK 3388 và TK khác
10	Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	22.021.403.352	22.102.220.702	171.887.350	Điều chỉnh khoản vay của một số cá nhân sang TK 3388

11	Vay và nợ dài hạn	106.000.000	230.800.000	124.800.000	
12	Doanh thu chưa thực hiện	1.287.964.545	1.275.691.817	(12.272.728)	Điều chỉnh DT trạm BTS
13	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(62.560.987.402)	(64.327.562.527)	(1.766.575.125)	Do ảnh hưởng của các điều chỉnh trên
14	Lợi ích cổ đông thiểu số	4.098.308.760	3.452.530.384	(645.778.376)	Do ảnh hưởng của các điều chỉnh trên
II	<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	36.261.427.374	36.273.700.102	12.272.728	Điều chỉnh DT trạm BTS
2	Giá vốn hàng bán	34.679.630.497	36.263.151.576	1.583.521.079	Tăng trích lập dự phòng hàng tồn kho + phân bổ chi phí trả trước
3	Lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.581.796.877	10.548.526	(1.571.248.351)	
4	Chi phí tài chính	1.042.909.926	973.212.528	(69.697.398)	DC lãi vay
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.088.269.014	8.929.374.164	841.105.150	Tăng thêm Chi phí trả trước ngắn hạn + trích lập dự phòng phải thu
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(7.792.927.748)	(10.135.583.851)	(2.342.656.103)	Do các nguyên nhân trên
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(10.514.237.013)	(12.280.812.138)	(1.766.575.125)	Do các nguyên nhân trên

Xin trân trọng giải trình!

Nơi nhận:

- Như KG
- Lưu TCKT, VT.

CÔNG TY CP ĐT VÀ XD BƯU ĐIỆN  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dô